**NHÓM 3**

**THCS NGUYỄN KHUYẾN**

**1.PHẠM THỊ THƠM**

**2.TRẦN THỊ ANH**

**3. VŨ THỊ PHƯƠNG**

**4. TRẦN THỊ LỆ NHÀN**

**5. ĐOÀN THỊ TUYẾT**

**THCS DÂN TỘC NỘI TRÚ**

**1.NGUYỄN THỊ ANH THƠ**

**2.PHAN THỊ THÚY HẰNG**

**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II VĂN 6,7**

**1. MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II VĂN 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận  - Văn bản thông tin | 5 | 0 | 3 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***2,5*** | ***0,5*** | ***1,5*** | ***1,5*** | ***0*** | ***3,0*** | ***0*** | ***1,0*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ phải được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **1.**  **Văn bản nghị luận** | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2.** **Văn bản thông tin** | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **\* Thông hiểu**:  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. |
| **2** | **Viết** | **Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.** | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5 TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**\* Lưu ý chung:** Với phần Đọc hiểu, mỗi gạch đầu dòng trong bản đặc tả là một chỉ báo để ra câu hỏi. Với mỗi chỉ báo, chỉ nên ra 01 câu hỏi.

**ĐỀ BÀI**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãn và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nông nổi và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.*

*Tuy vậy, duy có một thứ, vốn dĩ tố chất gốc đã là xấu, cho nên bất cứ ở đâu, dù ở mức độ nào và nhằm mục đích ra sao, thì nó vẫn cứ là thói xấu. Thứ đó chính là tham lam.*

*Tham lam thường ngấm ngầm nảy sinh trong lòng. Tham vọng khiến người ta lập mưu tính kế hãm hại người khác nhằm thoả mãn sự ghen tức, hay xoa dịu nỗi bất hạnh của chính mình. Vì thế những kẻ ôm ấp lòng tham không hề đóng góp gì mà chỉ phá hoại hạnh phúc xã hội.*

*Ghen ghét, lường gạt, giả dối là những thói mà người ta thường gọi là lừa đảo bịp bợm. Đây là một thói đê tiện. Nhưng nó không phải là nguyên nhân đẻ ra sự tham lam. Ngược lại, phải thấy rằng chính tham lam đã sản sinh ra những thói đê tiện ấy mới đúng.*

*Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.*

*Thái độ cay cú ngờ vực, ghen tức, hèn nhát... cũng từ tham lam mà ra. Từ những hành vi thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát, nổi loạn... tất cả đều phát sinh từ tham lam.*

*Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân. Khi đó thì mọi lợi ích công đều biến thành lợi ích riêng của một nhóm người.*

(Fukuzawa Yukichi, “*Tham lam*” đối với người khác chính là nguồn gốc của mọi thói xấu in trong *Khuyến học,* Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Nhà xuất bản Dân trí)

**Lựa chọn đáp án đúng: (Từ câu 1 đến câu 8 mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)**

**Câu 1:** Ở văn bản trên cho ta thấy những kẻ ôm ấp lòng tham có đem lợi ích cho xã hội không? (Biết)

A. Có

B. Không

**Câu 2:** Trong câu “*Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.”* có mấy phó từ? (Biết)

A. 1 phó từ

B. 2 phó từ

C. 3 phó từ

D. 4 phó từ

**Câu 3:** Trong câu *“Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân.”,* đâu là trạng ngữ ? (Biết)

A. Trên phạm vi quốc gia,

B. những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân.

C. những tai hoạ do lòng tham gây ra

D. Không có trạng ngữ.

**Câu 4:** Đoạn văn: “*Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam*.” Sử dụng phép liên kết nào? (Hiểu)

A. Phép trái nghĩa

B. Phép thế

C. Phép lặp

D. Không có phép liên kết

**Câu 5:** Câu sau: “*Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc.*”, có mấy số từ? (Biết)

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

**Câu 6:** Trong văn bản trên, hành vi của kẻ tham lam được thể hiện qua những đâu? (Biết)

A. Mưu mô, gian dối,lừa đảo, thường xuyên không nói đúng sự thật..

B.Thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát, nổi loạn...

C. Thường lấy đồ của người khác khi họ không để ý làm của riêng cho mình.

D. Hay kết bè phái để chia rẽ, kéo cánh, làm những việc trái với lương tâm.

**Câu 7:** Vấn đề bàn luận trong văn bản trên là gì? (Hiểu)

A. Bàn về lòng nhân ái

B. Bàn về tính trung thực

C. Bàn về lòng khiêm tốn

D. Bàn về tính tham lam

**Câu 8:** Đoạn văn: *“Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãn và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nông nổi và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.”* Tác giả đã dùng phép lập luận nào? (Hiểu)

A. Giải thích

B. Đối chiếu

C. So sánh

D. Phản đề

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9: (1,0đ)** Qua văn bản trên em rút ra bài học gì cho bản thân? (Vận dụng)

**Câu 10: (1,0đ)** Em có đồng ý với suy nghĩ của tác giả: “Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân.” Không? Vì sao?(Vận dụng).

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | Hs nêu được bài học phù hợp cho bản thân. Có thể nêu các ý sau:  -Không được sống tham lam, cần suy nghĩ trước những hành động việc làm của mình.  -Biết quan tâm tới người khác… | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí (Phù hợp với chuẩn mực đạo đức) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận..*  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  *Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.* | 0,25 |
|  | c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  Học sinh có thể nghị luận theo nhiều các khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau:   * Nêu vấn đề cần nghị luận: *Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.* * Người viết tán thành ý kiến đã nêu.   - Sử dụng lí lẽ.  + Đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông là việc làm rất đúng đắn vì……….  - Nêu bằng chứng : xác thực (số liệu….)  - Kết hợp lí lẽ với bằng chứng  Khẳng định lại sự tán thành ý kiến. | 2.5 |
|  | d. Chính tả, ngữ pháp  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực. | 0,5 |
|  |  |  |

**2.MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II VĂN 6**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện ngắn  - Thơ  **-**Văn bản nghị luận | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***1,5*** | ***0,5*** | ***2,5*** | ***1,5*** | ***0*** | ***3,0*** | ***0*** | ***1,0*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ phải được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngắn | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| 2. Thơ | **Nhận biết:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp |
| 3.Văn nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được sự đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong văn bản. |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**\* Lưu ý chung:** Với phần Đọc hiểu, mỗi gạch đầu dòng trong bản đặc tả là một chỉ báo để ra câu hỏi. Với mỗi chỉ báo, chỉ nên ra 01 câu hỏi.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**Phần I: Đọc – hiểu** *(6,0 điểm)*

**Đọc *văn bản sau và thực hiện các yêu cầu***

*Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ. Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn nhu cầu đó nữa, thì đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. Đây là một câu chuyện nghiêm túc, lâu dài và cần được trao đổi, thảo luận một cách cũng rất nghiêm túc, lâu dài. Tôi chỉ muốn thử nêu lên ở đây một đề nghị: Tôi đề nghị các tổ chức thanh niên của chúng ta, bên cạnh những sinh hoạt thường thấy hiện nay, nên có một cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước; và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình.*

*Gần đây có một nước đã phát động phong trào trong toàn quốc mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách. Chúng ta cũng có thể làm như thế, hoặc vận động mỗi người trong mỗi năm đọc lấy một cuốn sách. Cứ bắt đầu bằng việc rất nhỏ, không quá khó. Việc nhỏ đấy nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công cuộc lớn.*

(Theo Nguyên Ngọc, **Một đề nghị**, tạp chí Điện tử *Tiasang.com.vn*, ngày 19-7-2007)

**Lựa chọn đáp án đúng: (Từ câu 1 đến câu 8, mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)**

**Câu 1. Phương thứcbiểu đạt chính của văn bản là:**

A. Miêu tả B. Tự sự C. Nghị luận D. Biểu cảm

**Câu 2. Câu chủ đề của đoạn văn là câu :**

A. Câu thứ nhất B. Câu thứ hai C. Câu thứ ba D. Câu thứ tư

**Câu 3. Trong các từ sau, từ nào là từ láy?**

A. *Tinh thần* B. *Trí tuệ* C. *Đạo đức* D. *Mòn mỏi*

**Câu 4. Tác giả thể hiện thái độ gì qua đoạn trích trên?**

A. Phê phán việc đọc sách của thanh niên

B. Trân trọng sách, khẳng định lợi ích đọc sách

C. Ca ngợi sách văn học, nghệ thuật

D. Xem nhẹ lợi ích của việc đọc sách

**Câu 5. Nội dung chính của văn bản là:**

A. Phát động phong trào đọc sách

B. Cách đọc sách hiệu quả

C. Vai trò của việc đọc sách

D. Thực trạng của việc đọc sách trong giới trẻ hiện nay

**Câu 6. Trong các từ sau, từ nào không phải là từ Hán Việt?**

A. Trí tuệ B. Gia đình C. Công cuộc D. Lâu dài

**Câu 7. Dòng nào giải thích chính xác nghĩa của từ “thanh niên”?**

A. Người còn trẻ, đang ở độ tuổi trưởng thành

B. Người còn trẻ, lứa tuổi từ khoảng mười đến mười bốn, mười lăm

C. Người còn trẻ, lứa tuổi dưới mười tuổi

D. Người còn trẻ, lứa tuổi đã có gia đình

**Câu 8. Trong văn bản, để phát triển phong trào đọc sách trong các tổ chức thanh niên, tác giả đã đề nghị điều gì?**

A.Vận động đọc sách trong thanh niên từng vùng miền và cả nước, thi đua đọc sách

B. Vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình, tặng sách cho các cá nhân để khuyến khích đọc sách

C. Xây dựng các nhà sách tại trung tâm thương mại, nhà xuất bản bán sách với giá rẻ

D. Cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước; và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 9.** (**1,0 điểm)**Vì sao tác giả cho rằng: “*Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa*”?

**Câu 10. (1,0 điểm)**Theo em *“việc nhỏ*” và *“công cuộc lớn”* mà tác giả đề cập đến trong đoạn văn là gì?

**Phần II : Viết** *(4,0 điểm)*

Hiện nay tình trạng nghiện game ở học sinh đang diễn ra rất phổ biến. Em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ về hiện trạng trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - Tác giả cho rằng: “*Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa*” vì: không đọc sách là không có nhu cầu hiểu biết, mở mang kiến thức, *đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng.* | 1,0 |
|  | **10** | Theo em *“việc nhỏ*” và *“công cuộc lớn”* mà tác giả đề cập đến trong đoạn văn là :  - *“việc nhỏ*”:  + *Vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình.*  + *Mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách, đến mỗi người trong mỗi năm đọc lấy một cuốn sách*  - *“công cuộc lớn”*: đọc sách trở thành ý thức thành nhu cầu của mỗi người, mỗi gia đình, việc đọc sách trở thành văn hóa của đất nước. | 1,0 |
| **Phần II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Hiện tượng nghiện game* | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Giải thích game, nghiện game là gì?  - Thực trạng hiện tượng HS nghiện game hiện nay.  - Lí giải nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng nghiện game ở học sinh.  - Nêu giải pháp để ngăn chặn hiện tượng này. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |